

1. Nhãn lọ Zinsol 100ml

Thành phần: Chai 100 mL,
Kẽm 200 mg
(dưới dạng Kẽm gluconat)
Tô được vào đủ 100 mL

Chỉ định, Liều dùng - Cách dùng,
Chống chỉ định và Các thông tin khác
Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng
thuốc kèm theo.

Có sẵn sẵn
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
233 Đường 5, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Danapha Kids
Zinsol
Kẽm 10 mg/5 mL

BỔ SUNG KẼM
Chai 100 mL

Bảo quản: Nơi khô thoáng, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30 °C

**Để xa tầm tay trẻ em
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
TRƯỚC KHI DÙNG**

Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS
SDK

NSX:
LSX:
HD:

2. Hộp Zinsol 100ml

Kẽm 10 mg/5 mL

Zinsol
syrup

GMP-WHO

Danapha Kids
Zinsol
Kẽm 10 mg/5 mL

BỔ SUNG KẼM

Hộp 1 chai x 100 mL

Thành phần: Chai 100 mL,
Kẽm 200 mg
(dưới dạng Kẽm gluconat)
Tô được vào đủ 100 mL

Chỉ định, Chống chỉ định và Các thông tin khác
Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

Bảo quản
Nơi khô thoáng, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30 °C.

**Để xa tầm tay trẻ em
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
TRƯỚC KHI DÙNG**

Có sẵn sẵn
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
233 Đường 5, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

GMP-WHO

Danapha Kids
Zinsol
Syrup
Zinc 10 mg/5 mL

PROVIDE ZINC

Box of 1 bottle x 100 mL

Liều dùng
Dùng theo chỉ dẫn của Bác sĩ hoặc liều trung bình như sau:
• Trẻ từ 6 tháng đến dưới 12 tháng tuổi:
Uống 2,5 mL/lần/ngày.
• Trẻ từ 1 đến dưới 3 tuổi:
Uống 2,5 mL - 5 mL/lần/ngày.
• Trẻ từ 3 tuổi đến dưới 10 tuổi:
Uống 5 mL/lần/ngày.
• Người lớn và trẻ em ≥ 10 tuổi:
Uống 5 mL/lần x 2 - 3 lần/ngày.

Cách dùng
Uống sau bữa ăn. Nên dùng thuốc cách xa các thuốc có chứa sắt, calci, đồng trong khoảng 2 - 3 giờ để tránh làm giảm sự hấp thu của kẽm.

Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS
SDK

NSX:
LSX:
HD:
(Hoặc xem dưới đáy hộp)

Có sẵn sẵn
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
233 Đường 5, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MÃ VẠCH



3. Nhãn lọ Zinsol 60ml



4. Hộp Zinsol 60ml



Đà Nẵng, Ngày 25 Tháng 08 Năm 2020



ThS. Dương Chí Toàn

ZINSOL

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng - Để thuốc xa tầm tay trẻ em

TÊN THUỐC: Zinsol

THÀNH PHẦN - HÀM LƯỢNG:

Thành phần hoạt chất

Cho chai 60 ml

Kẽm (Dưới dạng kẽm gluconat).....0,84 g

Cho chai 100 ml

Kẽm (Dưới dạng kẽm gluconat).....1,4 g

Thành phần tá dược: Natri benzoat, acid citric khan, trisnatri citrat dihydrat, sorbitol 70 %, đường trắng, sucralose, xanthan gum, hương dứa, màu đỏ amaranth, nước tinh khiết.

MÔ TẢ DẠNG BẢO CHẾ: Dung dịch có màu hồng, trong, mùi thơm đặc trưng

CHỈ ĐỊNH

Bổ sung và dự phòng thiếu kẽm trong các trường hợp sau

- Bệnh còi xương, chậm tăng trưởng ở trẻ em.
- Khó ngủ, mất ngủ, trẻ khóc về đêm, suy nhược, nhức đầu.
- Phụ nữ mang thai và phụ nữ đang cho con bú.
- Chế độ ăn kiêng hoặc ăn thiếu cân bằng, người phải nuôi ăn lâu qua đường tĩnh mạch.
- Tiêu chảy cấp tính và mãn tính.
- Rối loạn tiêu hóa: Chán ăn, chậm tiêu, táo bón nhẹ, buồn nôn và nôn khi mang thai.
- Nhiễm trùng tái diễn đường hô hấp, tiêu hóa, da.
- Khô da, vết thương chậm lành (bỏng, lở loét lâu ngày).
- Khô mắt, loét giác mạc, quáng gà.
- Thiếu kẽm nặng biểu hiện bởi các tổn thương da và niêm mạc điển hình trong bệnh viêm ruột, viêm da đầu chi, loạn dưỡng móng (móng nhẵn, có vết trắng, chậm mọc), viêm quanh lỗ tự nhiên (hậu môn, âm đạo) cùng với tiêu chảy.

LIỀU DÙNG - CÁCH DÙNG

Cách dùng: Uống sau bữa ăn. Nên dùng thuốc cách xa các thuốc có chứa sắt, calci, đồng trong khoảng 2 - 3 giờ để tránh làm giảm sự hấp thu của kẽm.

Liều dùng

Dùng theo chỉ dẫn của Bác sĩ hoặc liều trung bình như sau:

Trẻ từ 6 tháng đến dưới 12 tháng tuổi: 2,5 mL/lần/ngày.

Trẻ từ 1 đến dưới 3 tuổi: 2,5 mL- 5 mL/lần/ngày.

Trẻ từ 3 tuổi đến dưới 10 tuổi: 5 mL/lần/ngày.

Người lớn và trẻ em ≥ 10 tuổi: 5 mL/lần x 2 - 3 lần/ngày.



CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Quá mẫn với hoạt chất hoặc bất cứ thành phần nào của thuốc.

Người bị thiếu hụt đồng.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

Thận trọng sử dụng kẽm trong giai đoạn loét dạ dày tá tràng tiến triển và nôn ói cấp tính. Tích lũy kẽm có thể xảy ra ở bệnh nhân suy thận, do đó, cần thận trọng khi sử dụng kẽm.

Sản phẩm này chứa 0,069 mmol (1,60 mg) natri cho mỗi 5 mL, tương đương 0,16 % lượng khuyến cáo tối đa hàng ngày cho người lớn, cần thận trọng đối với những bệnh nhân có chế độ ăn cần kiểm soát lượng natri.

Sản phẩm này chứa 1,05 g sorbitol cho mỗi 5 mL. Bệnh nhân có vấn đề di truyền hiếm gặp của không dung nạp fructose (HFI) không nên dùng thuốc này.

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Bổ sung nhu cầu hàng ngày theo chỉ dẫn của Bác sĩ.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC

Chưa có bằng chứng về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe và vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC

Tương tác của thuốc

Kẽm có thể làm giảm sự hấp thu đồng, quinolon (như: Ciprofloxacin, levofloxacin, moxifloxacin, norfloxacin và ofloxacin).

Kẽm làm giảm sự hấp thu sắt, penicillamin, tetracyclin, trientin và ngược lại các hoạt chất này làm giảm hấp thu kẽm.

Các muối calci làm giảm sự hấp thu kẽm.

Tương kỵ của thuốc

Do không có nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC

Tác dụng không mong muốn của kẽm thường gặp: Đau bụng, khó tiêu, buồn nôn, nôn, tiêu chảy, kích ứng dạ dày, viêm dạ dày.

Dùng kéo dài liều cao kẽm có thể dẫn đến thiếu đồng, thiếu máu nhược sắc, thiếu bạch cầu trung tính.

** Thông báo ngay cho Bác sĩ các tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.*

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Triệu chứng: Muối kẽm có tính ăn mòn do tạo thành kẽm clorid bởi acid dạ dày, gây viêm màng nhầy dạ dày, loét dạ dày có thể dẫn đến thủng dạ dày.

Cách xử trí: Điều trị bằng cách cho uống sữa, carbonat kiềm hoặc than hoạt tính. Tránh gây nôn hoặc rửa dạ dày.

Trong trường hợp sử dụng liều cao kẽm kéo dài gây thiếu đồng, có thể dùng các chất tạo chelat (EDTA) để loại trừ kẽm trong huyết thanh.

DƯỢC LỰC HỌC

Nhóm điều trị: Thuốc bổ sung khoáng chất

Mã ATC: A12C B02

Kẽm là một yếu tố vi lượng thiết yếu liên quan đến nhiều hệ thống enzym và hiện diện trong tất cả các mô. Thiếu hụt kẽm nghiêm trọng gây tổn thương da, rụng tóc, tiêu chảy, tăng khả năng nhiễm trùng, chậm phát triển ở trẻ em, chữa lành vết thương kém.

DƯỢC ĐỘNG HỌC

Kẽm được hấp thu không hoàn toàn qua đường tiêu hóa, sinh khả dụng khoảng 20 - 30 %, được phân bố ở tất cả các mô, cao nhất là ở các cơ, xương, da, mắt, dịch tuyến tiền liệt. Thải trừ chủ yếu qua phân, một lượng nhỏ qua thận và mồ hôi.

CÁC DẤU HIỆU CẦN LƯU Ý VÀ KHUYẾN CÁO

- Không nên dùng thuốc quá hạn (có ghi rõ trên nhãn) hay khi có sự nghi ngờ về chất lượng thuốc.
- Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Nếu cần biết thêm thông tin, xin hỏi ý kiến của Bác sĩ hoặc Dược sĩ.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Thuốc đóng trong chai thủy tinh 60 mL, 100 mL, hộp 1 chai có kèm tờ hướng dẫn sử dụng.

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN

Nơi khô thoáng, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30 °C.

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG: TCCS

Ngày xem xét sửa đổi, cập nhật nội dung hướng dẫn sử dụng thuốc:

Cơ sở sản xuất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

253 Dũng Sĩ Thanh Khê, Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Tel: 0236.3760130/0236.3760131

Fax: 0236.3760127

Email: info@danapha.com

Và phân phối trên toàn quốc

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 08 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC


ThS. Dương Chí Hoàn

ZINSOL

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng - Để thuốc xa tầm tay trẻ em

TÊN THUỐC: Zinsol

THÀNH PHẦN - HÀM LƯỢNG

Thành phần hoạt chất

Cho chai 60 ml

Kẽm (Dưới dạng kẽm gluconat)..... 0,84 g

Cho chai 100 ml

Kẽm (Dưới dạng kẽm gluconat)..... 1,4 g

Thành phần tá dược: Natri benzoat, acid citric khan, trisnatri citrat dihydrat, sorbitol 70 %, đường trắng, sucralose, xanthan gum, hương dâu, màu đỏ amaranth, nước tinh khiết.

MÔ TẢ DẠNG BẢO CHẾ: Dung dịch có màu hồng, trong, mùi thơm đặc trưng

CHỈ ĐỊNH

- Các trường hợp thiếu kẽm đã được chẩn đoán.
- Sử dụng trong các liệu pháp điều trị bằng penicillamin và các chất tạo phức chelat khác.

LIỀU DÙNG - CÁCH DÙNG

Cách dùng: Uống sau bữa ăn. Nên dùng thuốc cách xa các thuốc có chứa sắt, calci, đồng trong khoảng 2 - 3 giờ để tránh làm giảm sự hấp thu của kẽm.

Liều dùng

Dùng theo chỉ dẫn của Bác sĩ hoặc liều trung bình như sau:

Trẻ từ 6 tháng đến dưới 12 tháng tuổi: 2,5 mL/lần/ngày.

Trẻ từ 1 đến dưới 3 tuổi: 2,5 mL - 5 mL/lần/ngày.

Trẻ từ 3 tuổi đến dưới 10 tuổi: 5 mL/lần/ngày.

Người lớn và trẻ em ≥ 10 tuổi: 5 mL/lần x 2 - 3 lần/ngày.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Quá mẫn với hoạt chất hoặc bất cứ thành phần nào của thuốc.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

Khi sử dụng thuốc Zinsol trong thời gian dài, cần thận trọng theo dõi đồng và kẽm trong cơ thể.

Sản phẩm này chứa 0,069 mmol (1,60 mg) natri cho mỗi 5 mL, tương đương 0,16 % lượng khuyến cáo tối đa hàng ngày cho người lớn, cần thận trọng đối với những bệnh nhân có chế độ ăn cần kiểm soát lượng natri.

Sản phẩm này chứa 1,05 g sorbitol cho mỗi 5 mL. Bệnh nhân có vấn đề di truyền hiếm gặp của không dung nạp fructose (HFI) không nên dùng thuốc này.



SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Có thể sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC

Chưa có bằng chứng về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe và vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC

Tương tác của thuốc

Sự hấp thu kẽm có thể bị giảm nếu uống cùng lúc kẽm và muối sắt hoặc muối đồng. Kẽm có thể làm giảm sự hấp thu đồng.

Hiệu quả của thuốc kháng sinh như tetracyclin, ciprofloxacin và quinolon bị giảm nếu uống cùng lúc với kẽm.

Việc sử dụng các chất tạo thành phức chelat như D-penicillamin, axit sulfonic dimercaptopropan (DMPS) hoặc axit edetic (EDTA) có thể làm giảm sự hấp thu của kẽm hoặc tăng bài tiết kẽm.

Thực phẩm có hàm lượng phytin cao (ví dụ như các sản phẩm ngũ cốc, các loại đậu, quả hạch) làm giảm sự hấp thu kẽm. Có bằng chứng cho thấy cà phê làm giảm khả năng hấp thu kẽm.

Tương kỵ của thuốc

Do không có nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC

Tác dụng không mong muốn của kẽm thường gặp: Đau bụng, khó tiêu, buồn nôn, nôn, tiêu chảy, kích ứng dạ dày, viêm dạ dày.

Dùng kéo dài liều cao kẽm có thể dẫn đến thiếu đồng, thiếu máu nhược sắc, thiếu bạch cầu trung tính.

** Thông báo ngay cho Bác sĩ các tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.*

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Triệu chứng: Các triệu chứng quá liều như có vị kim loại trên lưỡi, nhức đầu, tiêu chảy và nôn mửa chỉ có thể xảy ra với liều uống cao hơn nhiều lần so với liều điều trị. Triệu chứng sẽ giảm đi nhanh chóng sau khi ngừng thuốc.

Cách xử trí: Điều trị bằng cách cho uống sữa, carbonat kiềm hoặc than hoạt tính. Tránh gây nôn hoặc rửa dạ dày.

Trong trường hợp sử dụng liều cao kẽm kéo dài gây thiếu đồng, có thể dùng các chất tạo chelat (EDTA) để loại trừ kẽm trong huyết thanh.

DƯỢC LỰC HỌC

Nhóm điều trị: Thuốc bổ sung khoáng chất

Mã ATC: A12C B02

Y
C
C
D
D
A
H
P

Kẽm là một nguyên tố vi lượng cần thiết cho con người. Trong cơ thể người lớn chứa khoảng 2 - 3 g kẽm. Nhu cầu hàng ngày là khoảng 15 mg. Trong máu, khoảng 90 % liên kết trong hồng cầu (chủ yếu trong enzym carbonic anhydrase) hoặc bạch cầu và chỉ 10 % trong huyết thanh (0,1 % tổng lượng kẽm), chủ yếu với albumin và ít hơn với alpha-2-macroglobulin và transferrin.

Kẽm đóng một vai trò quan trọng như một thành phần cấu trúc, xúc tác hoặc điều chỉnh của các enzym, ví dụ như các dehydrogenase khác nhau, thymine kinase, carboxypeptidases, DNA và RNA polymerase và cùng với đồng trong superoxid dismutase. Kẽm cần thiết trong tuyến tụy như một chất tạo phức với insulin và glucagon. Kẽm cần thiết cho sự trưởng thành của tuyến sinh dục, sự hình thành steroid ở tinh hoàn và khả năng sinh sản. Ví dụ, trong phản ứng miễn dịch tế bào và dịch thể, sự hiện diện của kẽm là điều kiện tiên quyết cho sự kích thích phân bào của các tế bào của hệ thống miễn dịch. Chức năng của tế bào lympho T, đại thực bào và bạch cầu hạt cũng phụ thuộc vào kẽm.

Các chức năng sinh hóa của kẽm là đặc biệt quan trọng. Trường hợp thiếu kẽm làm ảnh hưởng đến chức năng của tinh trùng, phôi, tế bào bào thai, tế bào có chức năng miễn dịch, mô liên kết.

Kẽm chủ yếu được sử dụng để ổn định DNA, RNA và protein.

ĐƯỢC ĐỘNG HỌC

Khoảng 10 - 40 % kẽm có trong thức ăn được hấp thụ từ ruột. Sự hấp thu xảy ra chủ yếu ở tá tràng và phần trên của ruột non. Một chế độ ăn giàu protein giúp tăng khả năng hấp thụ kẽm. Trong khi axit phytic, chủ yếu có trong các loại đậu và ngũ cốc, ức chế sự hấp thụ kẽm bằng cách tạo thành các phức hợp khó hòa tan và khó hấp thụ. Sự hấp thụ kẽm cũng có thể bị ức chế bởi cadmium, đồng, canxi hoặc sắt.

Kẽm thải trừ chủ yếu qua phân, thải trừ qua thận thấp (0,3 - 0,6 mg mỗi ngày).

Nồng độ kẽm trong các mô rất thay đổi. Kẽm được đánh dấu phóng xạ xuất hiện 40 % trong gan và giảm xuống 25 % trong 5 ngày. Một số yếu tố, đặc biệt là nội tiết tố, ảnh hưởng đến nồng độ kẽm trong gan. Trong gan, cũng như trong các mô khác, kẽm liên kết với metallothionein. Nồng độ kẽm cao nhất được tìm thấy trong xương, da, tuyến tiền liệt, đáy mắt và tinh trùng.

CÁC DẤU HIỆU CẦN LƯU Ý VÀ KHUYẾN CÁO

- Không nên dùng thuốc quá hạn (có ghi rõ trên nhãn) hay khi có sự nghi ngờ về chất lượng thuốc.
- Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Nếu cần biết thêm thông tin, xin hỏi ý kiến của Bác sĩ hoặc Dược sĩ.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Thuốc đóng trong chai thủy tinh 60 mL, 100 mL, hộp 1 chai có kèm tờ hướng dẫn sử dụng.

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN

Nơi khô thoáng, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30 °C.

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG: TCCS

Ngày xem xét sửa đổi, cập nhật nội dung hướng dẫn sử dụng thuốc:

Cơ sở sản xuất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

253 Dũg Sĩ Thanh Khê, P. Thanh Khê Tây, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

Tel: 0236.3760130/0236.3760131

Fax: 0236.3760127

Email: info@danapha.com

Và phân phối trên toàn quốc

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 09 năm 2022



TỔNG GIÁM ĐỐC

ThS. Dương Chí Toàn

